

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1068 /BC-CP

Hà Nội, ngày 16 tháng 11 năm 2025

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
DẾN	Giờ: 12h00
	Ngày: 12/11/2025

BÁO CÁO

Tiếp thu, giải trình kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Báo cáo thẩm tra sơ bộ của Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại về dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù nhằm nâng cao hiệu quả công tác hội nhập quốc tế

Kính gửi: Quốc hội.

Dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù nhằm nâng cao hiệu quả công tác hội nhập quốc tế (HNQT) được Chính phủ báo cáo tại Tờ trình số 1032/TTr-CP ngày 05/11/2025. Trên cơ sở kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại Thông báo số 4297/TB-VPQH ngày 11/11/2025 và ý kiến thẩm tra sơ bộ của Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại tại Báo cáo số 1265/BC-UBQPANĐN15 ngày 06/11/2025 về dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù nhằm nâng cao hiệu quả công tác HNQT, Chính phủ báo cáo Quốc hội nội dung tiếp thu, giải trình như sau:

A. VỀ KẾT LUẬN CỦA ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

I. Ủy ban Thường vụ Quốc hội đánh giá cao tinh thần trách nhiệm, tích cực, nghiêm túc và khẩn trương của Chính phủ trong việc nghiên cứu, xây dựng hồ sơ dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù nhằm nâng cao hiệu quả công tác HNQT (Nghị quyết); Thường trực Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại (UBQPANĐN) đã kịp thời tổ chức thẩm tra sơ bộ dự thảo Nghị quyết và có Báo cáo thẩm tra bảo đảm chất lượng.

II. Ủy ban Thường vụ Quốc hội nhất trí với sự cần thiết ban hành Nghị quyết; hồ sơ dự thảo Nghị quyết bảo đảm quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, đủ điều kiện để trình Quốc hội cho ý kiến tại Kỳ họp thứ 10.

III. Để tiếp tục hoàn thiện dự thảo Nghị quyết trình Quốc hội cho ý kiến tại Kỳ họp thứ 10, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đề nghị Chính phủ chỉ đạo tiếp thu ý kiến của các đại biểu tham dự phiên họp và nghiên cứu, bổ sung làm rõ một số nội dung sau:

- Tiếp tục quán triệt và thực hiện các chỉ đạo của Bộ Chính trị, Tổng Bí thư, Chủ tịch Quốc hội về đổi mới tư duy trong công tác xây dựng pháp luật; triệt để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện đầu tư sản xuất, kinh doanh, giảm chi phí tuân thủ, tạo thuận lợi cao nhất cho người dân và doanh nghiệp.

- Tiếp tục rà soát các chủ trương, đường lối, quan điểm của Đảng tại Nghị quyết 59-NQ/TW và các Nghị quyết, Kết luận mới được ban hành trong thời gian qua liên quan đến HNQT, đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật, để bảo đảm thể chế hóa đầy đủ, toàn diện tại dự thảo Nghị quyết, như: các chính sách thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) chất lượng cao; chuyển giao công nghệ; mô hình kinh tế mới, quản trị tiên tiến, hiện đại; cơ chế thử nghiệm có kiểm soát; chính sách thu hút các tập đoàn lớn đặt trung tâm nghiên cứu tại Việt Nam; đầu tư nguồn lực cho nội luật hóa các cam kết quốc tế và giám sát việc thi hành. Những nội dung đã rõ, được thực tiễn kiểm nghiệm thì thể chế vào Nghị quyết, những nội dung cần tiếp tục kiểm nghiệm thì quy định thực hiện thí điểm và giao Chính phủ quy định chi tiết. Chỉ quy định trong Nghị quyết những nội dung thuộc thẩm quyền của Quốc hội, không quy định lại các nội dung đã được quy định trong các Luật, Nghị quyết khác và các dự thảo Luật, Nghị quyết đang trình Quốc hội tại Kỳ họp thứ 10.

- Rà soát về chính sách khuyến khích tổ chức phi chính phủ nước ngoài hiện diện tại Việt Nam; quy định tiêu chí cụ thể những tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ, tổ chức đặc biệt nào được khuyến khích hiện diện tại Việt Nam.

- Rà soát quy định liên quan đến việc khắc phục các vướng mắc, khó khăn hiện nay trong việc thực hiện các dự án hợp tác với các đối tác nước ngoài có tính chất trọng điểm, chiến lược. Trường hợp không có nội dung mới thì viện dẫn theo Nghị quyết 206/2025/QH15 của Quốc hội.

- Rà soát các quy định về cắt giảm, đơn giản hóa quy trình, thủ tục đối với việc kiểm tra, thẩm định văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ trong thời gian luật, nghị quyết của Quốc hội chưa được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bảo đảm tính khả thi trong thực tiễn đối với nội dung tại Điều 8 của dự thảo Nghị quyết.

- Rà soát lại các chính sách về việc tham gia các cơ chế hợp tác quốc tế của doanh nghiệp, chính quyền địa phương nhất là các địa phương có biên giới đất liền, kế thừa hoạt động hợp tác quốc tế sau khi thực hiện tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp và sắp xếp cơ quan nhà nước ở Trung ương; nghiên cứu cơ chế, chính sách hỗ trợ và tổ chức bộ máy phù hợp cho các địa phương biên giới. Rà soát cơ sở chính trị và pháp lý đầy đủ cho việc thành lập văn phòng đại diện của cơ quan Trung ương và địa phương ở nước ngoài, đảm bảo hiệu quả và phù hợp với yêu cầu về tinh giản bộ máy.

- Rà soát các quy định về phân cấp, phân quyền trong việc ký kết văn bản hợp tác của Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài với các đối tác nước ngoài

phù hợp với chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật; về vị trí, chức năng, vai trò, cơ cấu của Hội đồng thẩm định độc lập.

- Rà soát và làm rõ hơn nội hàm của quy định về các chức danh “Đại sứ, Đặc phái viên của Chủ tịch nước về một số lĩnh vực, nhiệm vụ có tầm quan trọng chiến lược trong công tác HNQT” và “Đại sứ đặc mệnh toàn quyền lưu động”; đánh giá và phân tích những vướng mắc, bất cập thực tế và sự cấp thiết phải bổ nhiệm các chức danh này.

- Rà soát đầy đủ phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng phù hợp với chủ trương chính sách, đánh giá tác động của các chính sách đặc thù được quy định trong dự thảo Nghị quyết đối với ngân sách nhà nước, đảm bảo đủ nguồn lực và điều kiện cho việc thực hiện Nghị quyết.

IV. Ủy ban Thường vụ Quốc hội đề nghị Chính phủ chỉ đạo cơ quan chủ trì soạn thảo khẩn trương có văn bản tiếp thu, giải trình ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, ý kiến thẩm tra sơ bộ của Thường trực UBQPANĐN và ý kiến thẩm tra của các cơ quan của Quốc hội; hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị quyết trình Quốc hội theo tinh thần phải đảm bảo ngắn gọn, súc tích, trước mắt tập trung cho những vấn đề cấp bách và thật sự đặc thù; thời hạn thực hiện đến hết tháng 02/2027; trong năm 2026 và năm 2027 nghiên cứu để sửa các Luật có liên quan đến HNQT.

Về vấn đề này, Chính phủ xin tiếp thu như sau:

- Cơ quan chủ trì soạn thảo đã và sẽ tiếp tục rà soát kỹ lưỡng để bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ giữa dự thảo Nghị quyết và các văn bản pháp luật có liên quan như Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo năm 2025, Luật Điều ước quốc tế năm 2016, Luật Thỏa thuận quốc tế năm 2020, Luật Quản lý thuế, Luật Doanh nghiệp, Luật Tham gia lực lượng gìn giữ hòa bình..., tránh chồng chéo, mâu thuẫn hoặc tạo khoảng trống pháp luật khi trình Quốc hội tại Kỳ họp thứ 10, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật. Đồng thời, cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục rà soát, hoàn thiện các quy định tại dự thảo

Nghị quyết để tiếp tục thể chế hóa đầy đủ quan điểm, chủ trương của Đảng, Nhà nước về HNQT trong tình hình mới, đổi mới tư duy về xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật, triệt để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện đầu tư sản xuất, kinh doanh, giảm chi phí tuân thủ, tạo thuận lợi cao nhất cho người dân và doanh nghiệp.

- Cơ quan chủ trì soạn thảo đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan tiếp tục rà soát các chủ trương, đường lối, quan điểm của Đảng tại Nghị quyết số 59-NQ/TW và các Nghị quyết, Kết luận mới được ban hành trong thời gian qua liên quan đến HNQT, đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật, để bảo đảm thể chế hóa đầy đủ, toàn diện tại dự thảo Nghị quyết. Theo đó, dự kiến Ban soạn thảo sẽ bổ sung thêm một số giải pháp nhằm thể chế hóa nội dung của các văn bản nêu trên, cụ thể: (i) Bổ sung quy định cho phép Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài được cấp Phiếu Lý lịch tư pháp cho công dân

Việt Nam ở nước ngoài, tạo thuận lợi cho công dân Việt Nam kinh doanh, làm việc tại nước ngoài; *(ii)* Bổ sung quy định cho phép Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài được cấp miễn phí thị thực ký hiệu “SQ” có thời hạn không quá 01 năm (Luật Xuất nhập cảnh hiện nay quy định 30 ngày) cho các nhân vật có ảnh hưởng, doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp nắm các công nghệ mới, công nghệ quan trọng, nhà khoa học có uy tín, nghiên cứu về các lĩnh vực Việt Nam quan tâm...; *(iii)* Bổ sung quy định về việc Chính phủ triển khai chương trình xúc tiến thương mại cấp quốc gia nhằm thúc đẩy xuất nhập khẩu, chuyển giao công nghệ kết hợp giới thiệu về Việt Nam và các cơ hội hợp tác kinh doanh; *(iv)* Bổ sung quy định về xây dựng cơ sở dữ liệu về cam kết quốc tế nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, giám sát và thực thi cam kết quốc tế theo quy định của pháp luật, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp tiếp cận đầy đủ, kịp thời thông tin về các cam kết quốc tế. Ngoài ra, trên cơ sở trao đổi với các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành, Cơ quan chủ trì soạn thảo được biết nhiều vấn đề quy định trong Nghị quyết số 59-NQ/TW và các Nghị quyết, Kết luận mới được Bộ Chính trị ban hành trong thời gian qua liên quan đến HNQT hiện đã và đang được Quốc hội thể chế hóa tại các văn bản pháp luật chuyên ngành như Luật Khoa học, Công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025, dự án Luật Đầu tư (sửa đổi), dự thảo Nghị quyết của Quốc hội thực hiện Nghị quyết 71 của Bộ Chính trị về Giáo dục....

Về việc bám sát nhiệm vụ, giải pháp tại Nghị quyết 59-NQ/TW về thu hút đầu tư chất lượng cao, Chính phủ xin tiếp thu một phần và giải trình thêm như sau: Nghị quyết không có quy định trực tiếp liên quan đến thực hiện nhiệm vụ, giải pháp về thu hút FDI nhằm: *(i)* bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật, tránh trùng lặp với các ưu đãi, hỗ trợ và thủ tục đầu tư đặc biệt tại các Luật, Nghị quyết khác của Quốc hội như dự án Luật Đầu tư (thay thế), các Luật chuyên ngành về khoa học công nghệ, đất đai, thuế, các Nghị quyết về thành lập Trung tâm tài chính quốc tế, các Nghị quyết về cơ chế, chính sách đặc thù cho Đà Nẵng, Hải Phòng, Thành phố Hồ Chí Minh... và *(ii)* bảo đảm nguyên tắc chỉ trình Quốc hội quy định những vấn đề thuộc thẩm quyền của Quốc hội, theo đó những vấn đề Chính phủ có thể giải quyết thì không đưa vào dự thảo Nghị quyết.¹ Mặc dù không quy định cụ thể về ưu đãi, hỗ trợ hay thủ tục hành chính trong lĩnh vực thu hút FDI, Nghị quyết vẫn có một số biện pháp phục vụ nhiệm vụ trên, bao gồm: chính sách tạo thuận lợi về nhập xuất cảnh và cư trú cho người nước ngoài phục vụ hội nhập quốc tế bao gồm nhà đầu tư nước ngoài; cho phép thành lập Quỹ phát triển doanh nghiệp hội nhập quốc tế góp phần nâng cao năng lực tham gia vào chuỗi sản xuất, giá trị và cung ứng toàn cầu của doanh nghiệp; cho phép Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm có thời hạn chức danh “Đại sứ”, “Đặc phái viên” trong lĩnh vực, nhiệm vụ cụ thể, trong đó có thể bao gồm lĩnh vực Đầu tư (như Đại sứ về đầu tư, Đại sứ về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo); và tăng cường sự hiện diện của địa phương và các Bộ, ngành tại nước

¹ Chính phủ đã quy định chi tiết về ưu đãi, hỗ trợ đầu tư trong một số ngành nghề, lĩnh vực cụ thể; dự thảo Luật Đầu tư (thay thế) dự kiến quy định Thủ tướng Chính phủ có thể quyết định ưu đãi, đầu tư đặc biệt khác mà Luật Đầu tư chưa quy định).

ngoài (thông qua việc lập văn phòng đại diện hoặc mua, xây dựng trụ sở tại nước ngoài).

Về ý kiến cho rằng dự thảo Nghị quyết cần làm rõ hơn một số vấn đề về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo theo Nghị quyết 59-NQ/TW, Chính phủ xin tiếp thu một phần và giải trình như sau: Quốc hội đã ban hành hoặc đang xem xét nhiều Luật, Nghị quyết với nhiều chính sách toàn diện, đột phá, vượt trội để thu hút đầu tư chất lượng cao, thúc đẩy khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (KHCN & ĐMST) như Luật Công nghiệp Công nghệ số 2025, Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo năm 2025² (cùng các Nghị định hướng dẫn như Nghị định số 265/2025/NĐ-CP, Nghị định số 268/2025/NĐ-CP), dự thảo Luật Công nghệ cao (sửa đổi),³ dự thảo Luật Đầu tư (thay thế),⁴ dự thảo Luật Chuyển giao công nghệ⁵.... Ngoài ra các luật chuyên ngành khác như Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Luật Thuế xuất nhập khẩu, Luật Đất đai 2024, Luật Các tổ chức tín dụng 2024 và các văn bản hướng dẫn thi hành cũng đã quy định cụ thể các ưu đãi về thuế, đất đai và tín dụng đối với dự án công nghệ cao, đổi mới sáng tạo, đặc biệt tại địa bàn khó khăn hoặc khu công nghệ cao. Do đó, trong dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về hội nhập quốc tế, không quy định lại các giải pháp này để tránh trùng lặp.

Về ý kiến cho rằng dự thảo Nghị quyết cần làm rõ hơn các chính sách liên quan đến các lĩnh vực HNQT khác nêu tại Nghị quyết số 59-NQ/TW như văn hóa, xã hội, lao động, giáo dục – đào tạo, y tế..., Chính phủ xin tiếp thu một phần và giải trình như sau: Cơ quan chủ trì soạn thảo đã tích cực, thường xuyên trao đổi với các cơ quan quản lý nhà nước để nghiên cứu khả năng đề xuất đưa vào Nghị quyết một số chính sách, giải pháp để đẩy mạnh HNQT trong các lĩnh vực này như: (i) miễn giấy phép lao động nhằm thu hút nguồn nhân lực trình độ cao (chuyên gia, nhà khoa học, nhà quản lý, kỹ sư làm việc tại các tập đoàn đa quốc gia tại Việt Nam), (ii) chính sách thí điểm miễn thủ tục công nhận văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài thuộc nhóm 500 cơ sở giáo dục xếp thứ hạng cao trên thế giới tại Việt Nam, (iii) chính sách ưu đãi để phát triển hình thức du

² Luật Công nghiệp Công nghệ số thiết lập khung chính sách ưu đãi toàn diện cho doanh nghiệp thực hiện R&D. Các quy định về công nhận doanh nghiệp KHCN, khấu trừ chi phí R&D, trích lập Quỹ phát triển KHCN, cơ chế chia sẻ rủi ro trong nghiên cứu và hỗ trợ tín dụng đã tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp FDI tham gia sâu vào hệ sinh thái đổi mới sáng tạo quốc gia.

³ Dự thảo Luật Công nghệ cao quy định ưu đãi thuế cho doanh nghiệp tài trợ hoặc thực hiện R&D, hỗ trợ tài chính cho thử nghiệm, trình diễn công nghệ, bảo hộ sở hữu trí tuệ và thương mại hóa sản phẩm; đồng thời khuyến khích hình thức liên doanh, đồng phát triển, chuyển giao công nghệ có điều kiện, thúc đẩy nội địa hóa và hợp tác với doanh nghiệp FDI nắm giữ công nghệ lõi.

⁴ Điều 16 dự thảo Luật Đầu tư (thay thế) xác định “phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số” là ngành, nghề ưu đãi đầu tư; đồng thời mở rộng sang kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế số và các mô hình kinh tế mới nhằm thu hút FDI có giá trị gia tăng cao, có tác động lan tỏa và kết nối chuỗi giá trị toàn cầu. Các điều 15, 18 và 19 quy định hệ thống ưu đãi, hỗ trợ đầu tư về thuế, đất đai, tín dụng, R&D, cùng với Quỹ Hỗ trợ đầu tư để khuyến khích nhà đầu tư chiến lược, tập đoàn đa quốc gia.

⁵ Dự thảo Luật Chuyển giao công nghệ tiếp tục hoàn thiện cơ chế khuyến khích, bảo hộ chuyển giao công nghệ cao, tiên tiến, xanh và sạch. Các quy định về góp vốn bằng công nghệ, thẩm định giá, ưu đãi thuế, khấu hao nhanh và hỗ trợ thông qua quỹ đổi mới công nghệ đã tạo nền tảng thuận lợi để khuyến khích hợp tác, phổ biến và nội địa hóa công nghệ.

lich kết hợp tổ chức hội nghị, hội thảo và hình thức du lịch y tế⁶; (iv) chính sách ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp và chính sách tín dụng đặc biệt cho dự án đầu tư tại địa bàn trọng điểm về đối ngoại hoặc thị trường mới có rủi ro chính trị; (v) miễn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa dịch vụ mua sắm tại Việt Nam để cung cấp cho dự án đầu tư xây dựng, sản xuất hàng hóa trong các lĩnh vực trọng điểm tại nước ngoài; (vi) chính sách sử dụng thuế phòng vệ thương mại hỗ trợ doanh nghiệp tham gia các vụ kiện phòng vệ thương mại ở nước ngoài; (vii) cơ chế cho phép Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài được sử dụng Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia, Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia, các quỹ chuyên biệt và nguồn tài chính hợp pháp khác để thực hiện nhiệm vụ kết nối, tìm kiếm, mua sắm công nghệ nguồn, công nghệ lõi và công nghệ chiến lược; mời chuyên gia, thuê tư vấn pháp lý, tổ chức khảo sát, xúc tiến công nghệ tại nước sở tại; (viii) thành lập sàn giao dịch sáng chế của khu vực ASEAN theo hướng kết nối dữ liệu, định giá tài sản trí tuệ và hỗ trợ cấp phép thương mại hóa bằng sáng chế, nhằm thúc đẩy thương mại hóa tài sản trí tuệ xuyên biên giới, trong bối cảnh chưa có thỏa thuận công nhận lẫn nhau về bằng sáng chế trong ASEAN... Để có thể chính thức đưa đề xuất về các vấn đề này, cần tiếp tục đánh giá về tính đột phá, đặc thù hoặc điều kiện thực tiễn, pháp lý để triển khai ở Việt Nam cũng như xác định những nội dung này có thuộc thẩm quyền của Quốc hội hay không theo Kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Về chính sách khuyến khích tổ chức phi chính phủ nước ngoài (PCPNN) hiện diện tại Việt Nam, Chỉ thị số 49-CT/TW ngày 28/6/2025 của Ban Bí thư về công tác phi chính phủ nêu quan điểm chỉ đạo khuyến khích tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức PCPNN hoạt động tại Việt Nam, góp phần thúc đẩy quan hệ hữu nghị và hợp tác giữa nhân dân Việt Nam với nhân dân thế giới; vận động sự đồng tình, ủng hộ của bạn bè quốc tế đối với Việt Nam; tranh thủ nguồn lực bên ngoài phục vụ phát triển đất nước. Chỉ thị giao nhiệm vụ xây dựng luật quản lý các tổ chức phi chính phủ, phi lợi nhuận; xây dựng quy định, chế tài xử lý phù hợp; đổi mới cơ chế, quy trình cấp Giấy đăng ký của tổ chức PCPNN, hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ của cơ quan chức năng quản lý nhà nước. Thực tiễn thời gian qua, tính đến cuối năm 2024, có 383 tổ chức PCPNN đăng ký hoạt động tại Việt Nam. Hoạt động của các tổ chức PCPNN đã có đóng góp tích cực cho sự phát triển chung của đất nước: (i) Về chính trị đối ngoại: Các tổ chức PCPNN đã và đang đóng góp vào việc tăng cường hiểu biết của quốc tế đối với đất nước, văn hóa, con người Việt Nam, từ đó mở rộng quan hệ hữu nghị và hợp tác giữa nhân dân và đối tác của các nước đối với Việt Nam, góp phần nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế. Đây chính là một phần nội hàm của công tác ngoại giao nhân dân; (ii) Về các vấn đề xã hội-phát triển: Viện trợ của các tổ chức PCPNN đã góp phần giảm bớt các khó khăn kinh tế-xã hội ở nhiều vùng, đặc biệt đối với các vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào thiểu số, hỗ trợ bảo vệ và thúc đẩy quyền lợi các nhóm xã hội yếu thế như người khuyết tật, phụ nữ,

⁶ Hình thức du lịch y tế hiện chưa được quy định trong Luật Du lịch, trong khi đây là mô hình cung cấp dịch vụ nghỉ dưỡng kết hợp điều trị y tế cao cấp, cung cấp dịch vụ y tế (phẫu thuật, thẩm mỹ, nha khoa, điều trị y tế đặc thù, các dịch vụ chăm sóc sức khỏe gắn liền với dịch vụ lưu trú, nghỉ dưỡng...).

trẻ em. Các dự án PCPNN mặc dù có quy mô nhỏ, vốn đầu tư không lớn song phù hợp với nhu cầu và khả năng tiếp nhận của địa phương, giúp địa phương phát triển kinh tế xã hội, xóa đói giảm nghèo, hỗ trợ nâng cao đời sống cho người dân ở những vùng thụ hưởng, trong đó có đồng bào dân tộc thiểu số. Tiếp thu ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, cơ quan chủ trì soạn thảo đã chỉnh sửa điều khoản liên quan theo hướng tổ chức PCPNN được phép đặt Văn phòng chính hoặc Văn phòng khu vực tại Việt Nam và hưởng các ưu đãi, miễn trừ theo quy định của Chính phủ. Dự kiến Chính phủ sẽ quy định cụ thể các điều kiện để được đặt Văn phòng tại Việt Nam, đảm bảo phi chính trị - phi tôn giáo - phi lợi nhuận, đánh giá tổng thể các yếu tố chính trị, kinh tế, an ninh, mặt thuận và không thuận, không để phương hại đến an ninh và lợi ích quốc gia - dân tộc theo tinh thần Chỉ thị số 49.

- Về quy định liên quan đến việc khắc phục các vướng mắc, khó khăn hiện nay trong việc thực hiện các dự án hợp tác với các đối tác nước ngoài có tính chất trọng điểm, chiến lược, Chính phủ xin tiếp thu, giải trình như sau:

Thực tiễn triển khai công tác đối ngoại và HNQT cho thấy một số dự án trọng điểm hợp tác với các đối tác thuộc phạm vi đối tác chiến lược toàn diện, đối tác chiến lược và đối tác toàn diện của Việt Nam đã có chủ trương của Bộ Chính trị song còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc trong việc triển khai liên quan đến việc áp dụng các quy định pháp luật do Quốc hội ban hành. Các khó khăn này đa dạng về hình thức, tính chất: có những vấn đề vướng mắc về quy trình, thủ tục, có những vấn đề vướng mắc về áp dụng quy định pháp luật cụ thể.

Vì vậy, Chính phủ đề xuất áp dụng trên cơ sở tham khảo các quy định tương tự của Nghị quyết số 206/2025/QH15 của Quốc hội về cơ chế đặc biệt xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật cũng như các cơ chế đặc thù áp dụng tại các địa phương quy định tại Nghị quyết 98/2023/QH15 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh và Nghị quyết 136/2024/QH15 về tổ chức chính quyền đô thị và thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng (tuy nhiên cách thức và phạm vi linh hoạt hơn). Theo đó, cho phép Chính phủ quyết định các biện pháp xử lý để tháo gỡ vướng mắc về pháp luật nhằm kịp thời triển khai ý kiến chỉ đạo của Bộ Chính trị (cơ quan có thẩm quyền) trong việc thực hiện các dự án hợp tác với các đối tác nước ngoài có tính chất trọng điểm, chiến lược ảnh hưởng đến quan hệ đối ngoại và sẽ báo cáo Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Biện pháp có thể là ban hành văn bản quy phạm pháp luật song cũng có thể chỉ là ban hành các văn bản cá biệt để xử lý vấn đề cụ thể, kịp thời giải quyết các vướng mắc trong các trường hợp đặc biệt theo yêu cầu của Bộ Chính trị, trong khi vẫn bảo đảm việc áp dụng pháp luật trong các trường hợp khác.

Trong bối cảnh việc tăng cường và làm sâu sắc quan hệ với các đối tác là một nhiệm vụ chủ yếu của Nghị quyết số 59-NQ/TW, quy định thí điểm về việc Quốc hội ủy quyền cho Chính phủ tại dự thảo Nghị quyết tạo linh hoạt cho Chính phủ trong việc triển khai các chỉ đạo của Bộ Chính trị. Đây cũng là thực tiễn của một số nước khi cần đẩy mạnh hoạt động đối ngoại, hội nhập trong một

giai đoạn nhất định;⁷ Chính phủ đề xuất áp dụng thực hiện cơ chế này đến hết 31/12/2030.

- Về quy trình, thủ tục đối với việc kiểm tra, thẩm định văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ trong thời gian luật, nghị quyết của Quốc hội chưa được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bảo đảm tính khả thi trong thực tiễn đối với nội dung tại Điều 8 của dự thảo Nghị quyết, cơ quan chủ trì soạn thảo xin tiếp thu và thể hiện theo hướng Chính phủ sẽ quyết định về vấn đề này, căn cứ tính chất vấn đề vướng mắc cụ thể. Trong trường hợp lập Hội đồng để thẩm định văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ, dự kiến quy định giống với nội dung tại Nghị quyết số 206/2025/QH15 của Quốc hội về cơ chế đặc biệt xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật để đảm bảo tính thống nhất của hệ thống pháp luật, không trái với quy định hiện hành về phân cấp, phân quyền.

- Về việc kế thừa hoạt động hợp tác quốc tế sau khi thực hiện tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp và sắp xếp cơ quan nhà nước ở Trung ương, đối với các cơ quan nhà nước ở Trung ương, Chính phủ đang tích cực chỉ đạo các cơ quan liên quan triển khai các văn bản do Quốc hội ban hành để xử lý các vấn đề phát sinh liên quan đến điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế, bao gồm: (i) Nghị quyết số 190/2025/QH15 quy định về xử lý vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước, trong đó quy định tại Điều 9 về việc kế thừa và xử lý các điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế trong trường hợp sắp xếp cơ quan nhà nước ở Trung ương và (ii) Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2025, trong đó quy định Ủy ban nhân dân cấp tỉnh kế thừa các thỏa thuận quốc tế do Ủy ban nhân dân cấp huyện ký kết trước ngày 01/7/2025. Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 177/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 sửa đổi các Nghị định trong lĩnh vực thỏa thuận quốc tế; xử lý một số vấn đề liên quan đến việc tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp và sắp xếp tổ chức bộ máy trong lĩnh vực thỏa thuận quốc tế, trong đó hướng dẫn cụ thể việc xử lý thỏa thuận quốc tế đã ký kết trước ngày 01/7/2025 bị tác động do sắp xếp đơn vị hành chính hai cấp, bao gồm việc duy trì các thỏa thuận quốc tế cấp tỉnh, cấp xã (biên giới) trong trường hợp sáp nhập và cách thức xử lý các thỏa thuận quốc tế cấp huyện do tỉnh thừa kế.

- Về việc thành lập văn phòng đại diện của chính quyền địa phương ở nước ngoài, tài liệu học tập Nghị quyết số 59 nêu rõ: *“Củng cố khuôn khổ quan hệ với các đối tác, các tổ chức quốc tế đi vào chiều sâu, ổn định và bền vững, mang lại hiệu quả thiết thực”, “Nâng cao tính chủ động, sáng tạo, tích cực, đồng bộ và hiệu quả của các địa phương và công tác ngoại vụ địa phương trong triển khai HNQT và tham gia các cơ chế hợp tác, diễn đàn, mạng lưới của các thành phố, đô thị lớn; tăng cường kết nghĩa, hợp tác với các đối tác quốc tế”*. Hiện pháp luật chưa có quy định cụ thể về trình tự, thủ tục thành lập, tổ chức và

⁷ Tham khảo Hiến pháp của Pháp năm 1958, Hiến pháp của Indonesia cho phép Chính phủ các nước này được ban hành Nghị định trong một thời gian nhất định, trong đó quy định cả những vấn đề vốn thường thuộc phạm vi của luật. Quốc hội Mỹ cũng có tiền lệ ủy quyền cho Tổng thống Mỹ đàm phán điều ước quốc tế mà không cần xin phép Quốc hội.

quản lý văn phòng đại diện của UBND cấp tỉnh ở nước ngoài. Trong khi đó, một số địa phương nước ngoài đã thiết lập văn phòng hoặc cử đại diện tại các tỉnh, thành phố của Việt Nam, bước đầu phát huy hiệu quả trong việc thúc đẩy quan hệ địa phương. Trong bối cảnh quan hệ hợp tác giữa các địa phương Việt Nam và nước ngoài ngày càng phát triển, nhu cầu thiết lập đầu mối đại diện chính thức để thúc đẩy hợp tác kinh tế, văn hóa, giáo dục, đầu tư là cần thiết và ngày càng rõ nét. Quy định này được xây dựng nhằm tạo cơ sở pháp lý cho việc thí điểm thành lập văn phòng đại diện của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tại một số địa bàn trọng điểm ở nước ngoài, phù hợp với yêu cầu hội nhập quốc tế của chính quyền địa phương. Quy định tại dự thảo Nghị quyết phù hợp với thẩm quyền của địa phương trong thực hiện nhiệm vụ đối ngoại theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương; tương thích với quy định tại Nghị định số 120/2020/NĐ-CP về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập liên quan đến thành lập đơn vị sự nghiệp công lập ở nước ngoài. Đây là cơ sở để Chính phủ sẽ quy định chi tiết về điều kiện thành lập, cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của văn phòng đại diện của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ở nước ngoài, trên cơ sở bảo đảm không làm phát sinh thêm bộ máy.

- Về quy định cho phép Cơ quan đại diện ký kết văn bản hợp tác với đối tác nước ngoài phù hợp với chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật, Chính phủ xin giải trình như sau: Thời gian qua có một số Cơ quan đại diện phát sinh nhu cầu ký kết văn bản hợp tác với đối tác nước ngoài⁸. Tuy nhiên, Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài và Luật Thỏa thuận quốc tế năm 2020 không quy định việc ký thỏa thuận hợp tác của Cơ quan đại diện. Cơ quan đại diện khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình được tiếp xúc, trao đổi và có thể ký kết các văn bản hợp tác đơn giản, không mang tính ràng buộc nhằm thiết lập, duy trì và phát triển quan hệ giữa cơ quan đại diện với cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc địa bàn phụ trách, phù hợp với nhiệm vụ và quyền hạn của mình. Cơ quan chủ trì soạn thảo đã tiến hành rà soát các văn bản quy phạm pháp luật liên quan để đảm bảo không trái với quy định pháp luật hiện hành.

- Về các chức danh “Đại sứ, Đặc phái viên của Chủ tịch nước về một số lĩnh vực, nhiệm vụ có tầm quan trọng chiến lược trong công tác HNQT” và “Đại sứ đặc mệnh toàn quyền lưu động”, Chính phủ xin giải trình như sau:

Các chức danh Đại sứ, Đặc phái viên của Chủ tịch nước theo từng lĩnh vực hoặc Đại sứ đặc mệnh toàn quyền lưu động là những khái niệm mới, chưa được thể chế hóa tại các văn bản pháp lý hiện nay. Đây là những cơ chế, thiết chế đã

⁸ Đại sứ quán Việt Nam tại Phi-líp-pin có nhu cầu ký Thỏa thuận hợp tác máy nông nghiệp với Bộ Nông nghiệp Phi-líp-pin, Đại sứ quán Việt Nam tại Hoa Kỳ có nhu cầu ký văn kiện hợp tác với Chính quyền thành phố Los Angeles, Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Fukuoka, Nhật Bản có nhu cầu ký Bản ghi nhớ hợp tác với Đại học Seinan, Nhật Bản, Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Thượng Hải có nhu cầu ký Bản ghi nhớ hợp tác với Văn phòng Ngoại vụ tỉnh Giang Tô (Trung Quốc), Tổng Lãnh sự quán tại Sydney có nhu cầu ký Bản ghi nhớ hợp tác với Trường Đại học Công nghệ Sydney, Đại sứ quán Việt Nam tại Nhật Bản có nhu cầu ký Bản ghi nhớ hợp tác với tỉnh Miyagi (Nhật Bản).

có từ lâu và thời gian qua xuất hiện ngày càng nhiều và thường xuyên trong các hoạt động ngoại giao chính thức trên thế giới. Các quốc gia lớn trên thế giới như Hoa Kỳ, Nga hay Trung Quốc, Nhật Bản... đều thường xuyên sử dụng cơ chế này. Ví dụ như năm 2022, Đặc phái viên của Tổng thống Mỹ về khí hậu John Kerry thăm làm việc tại Việt Nam; năm 2020, Đặc phái viên của Tổng thống Mỹ Donald Trump về kiểm soát vũ khí, ông Marshall Billingslea thăm làm việc tại Việt Nam. Tổng thống Nga cử Đặc phái viên của Tổng thống về vấn đề Ucraina; Tổng thống Hàn Quốc cử đặc phái viên, cố vấn đặc biệt của tổng thống về ngoại giao và an ninh. Đặc biệt, khi xảy ra các cuộc xung đột, chiến tranh, khủng hoảng..., Tổng thư ký LHQ thường cử các đặc phái viên chuyên trách về các vấn đề khác nhau như về Myanmar, về Yemen, về Trung Đông...

Thực tế thời gian qua, Việt Nam cũng đã từng có một số lần triển khai hình thức Đặc phái viên của Lãnh đạo cấp cao trong một số hoạt động, sự kiện đặc biệt, ví dụ như: tháng 10/2017, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã cử Đặc phái viên là Trưởng Ban Đối ngoại Trung ương Đảng Hoàng Bình Quân thăm Trung Quốc; tháng 4/2025, Tổng Bí thư Tô Lâm đã cử Đặc phái viên là Phó Thủ tướng Hồ Đức Phớc sang thăm tại Hoa Kỳ...

Như vậy, có thể khái quát Đặc phái viên hay Đại sứ đặc trách một lĩnh vực/vấn đề cụ thể là người được cấp có thẩm quyền, thường là Lãnh đạo cấp cao, cử đi thực hiện một nhiệm vụ cụ thể, tạm thời, thường là để giải quyết các vấn đề cấp bách như xung đột hoặc khủng hoảng hoặc có tính chất phức tạp, chuyên sâu, chuyên biệt như biến đổi khí hậu, công nghệ bán dẫn... Họ đóng vai trò là đại diện cá nhân (của Lãnh đạo cấp cao) để tiến hành các hoạt động ngoại giao, đàm phán, thu thập thông tin hoặc thúc đẩy chương trình nghị sự, đôi khi hoạt động ngoài các kênh ngoại giao thông thường.

Hiện nay, Việt Nam có quan hệ ngoại giao với 194 quốc gia, vùng lãnh thổ trên thế giới, nhưng mới chỉ có 99 cơ quan đại diện ngoại giao và lãnh sự tại 71 quốc gia. Như vậy, số lượng các quốc gia phải thực hiện chế độ “kiêm nhiệm” khá nhiều. Một số Đại sứ hiện nay đang phải kiêm nhiệm quá nhiều địa bàn (ví dụ như Đại sứ tại Cuba phải kiêm nhiệm 9 nước; Ai Cập kiêm nhiệm 7 nước, Tanzania kiêm nhiệm 7 nước, Ma-rốc kiêm nhiệm 7 nước, Angola kiêm nhiệm 6 nước...). Mặc dù các cơ quan đại diện hiện nay đã có nhiều cố gắng, nhưng do nhiều yếu tố khách quan (khoảng cách địa lý, quan hệ giữa nước đóng trụ sở và nước kiêm nhiệm) và chủ quan (chủ yếu do hạn chế về nguồn kinh phí và thiếu nguồn nhân lực trực tiếp hỗ trợ do đa số các cơ quan đại diện hiện nay tổ chức theo mô hình tổ chức và biên chế tinh gọn) nên trong nhiều trường hợp, việc kiêm nhiệm địa bàn đã cho thấy những bất cập, vướng mắc, đặc biệt trong bối cảnh tình hình thế giới diễn biến rất nhanh, phức tạp, khó lường.

Trên thế giới, “Đại sứ đặc mệnh toàn quyền lưu động” là chức danh được một số nước, nổi bật là Singapore, sử dụng rộng rãi và hiệu quả trong thời gian qua đối với một số địa bàn cần duy trì sự hiện diện tại nước tiếp nhận nhưng hợp tác song phương chưa đạt mức cần thiết để mở Cơ quan đại diện thường trú. Cán bộ ngoại giao được bổ nhiệm vẫn công tác trong nước và thực hiện nhiệm vụ

Đại sứ đặc mệnh toàn quyền, có mặt tại nước tiếp nhận trong các dịp quan trọng như Quốc khánh của hai bên, kỷ niệm ngày thiết lập quan hệ ngoại giao, phục vụ các chuyến thăm của Lãnh đạo nước cử, tham vấn chính trị ...

So với mô hình thường trú, mô hình “lưu động” cho thấy sự nổi trội về hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước do không phát sinh biên chế, không tốn chi phí mua/thuê trụ sở làm việc, mua sắm trang thiết bị và tiết kiệm được ngân sách chi trả chế độ cho cán bộ ngoại giao thường trú.

So với mô hình kiêm nhiệm, mô hình “lưu động” cũng cho thấy một số ưu điểm, cụ thể: (i) Giảm tải khối lượng công việc, tạo điều kiện cho Đại sứ quán kiêm nhiệm tập trung nguồn lực thúc đẩy quan hệ song phương với địa bàn nơi đóng trụ sở - đối tác được xác định có tầm quan trọng cao hơn trong chính sách đối ngoại của nước cử. (ii) Hạn chế phát sinh các tình huống nhạy cảm, phức tạp chẳng hạn trường hợp quốc gia nơi đóng trụ sở có mâu thuẫn với quốc gia kiêm nhiệm hoặc địa bàn kiêm nhiệm đang là khu vực có xung đột lợi ích giữa nhiều nước.

Trong bối cảnh tình hình thế giới và khu vực diễn biến ngày càng phức tạp, bên cạnh chủ trương mở rộng mạng lưới các cơ quan đại diện thường trú, việc áp dụng thí điểm mô hình đại diện mới phù hợp với đặc điểm tình hình của từng địa bàn, khu vực là hết sức cần thiết để góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.

- Cơ quan chủ trì soạn thảo đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tiếp tục rà soát phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng phù hợp với chủ trương chính sách, đánh giá tác động của các chính sách đặc thù được quy định trong dự thảo Nghị quyết đối với ngân sách nhà nước, đảm bảo đủ nguồn lực và điều kiện cho việc thực hiện Nghị quyết.

- Về yêu cầu thời hạn thực hiện Nghị quyết đến hết tháng 02/2027; trong năm 2026 và năm 2027 nghiên cứu để sửa các Luật có liên quan đến HNQT, Chính phủ xin giải trình như sau:

Dự thảo Nghị quyết đề xuất các chính sách, cơ chế đặc thù trên nguyên tắc không trái với các quy định tại luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Bên cạnh đó, một số chính sách, cơ chế đặc thù cần đủ thời gian triển khai để bảo đảm tính hiệu quả, hiệu lực, nhằm tháo gỡ các “điểm nghẽn” trong công tác đối ngoại và HNQT trong tình hình mới. Do đó, Chính phủ đề xuất không quy định thời hạn thực hiện Nghị quyết đến hết tháng 02/2027.

B. VỀ BÁO CÁO THẨM TRA SƠ BỘ CỦA ỦY BAN QUỐC PHÒNG, AN NINH VÀ ĐỐI NGOẠI

I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

1. Về sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Ý kiến thẩm tra:

Thường trực Ủy ban cơ bản nhất trí với sự cần thiết ban hành Nghị quyết của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù nhằm nâng cao hiệu quả công tác HNQT theo nội dung Tờ trình số 1032/TTr-CP ngày 05/11/2025 của Chính phủ và đề nghị cập nhật bổ sung những định hướng mới về đối ngoại đã được nêu tại kết quả Hội nghị Trung ương 13 khoá XIII, chỉnh sửa một số quy định về Nguyên tắc áp dụng cơ chế, chính sách đặc thù cho phù hợp với định hướng mới này.

Về vấn đề này, Chính phủ xin tiếp thu như sau:

Chính phủ đã chỉnh lý, bổ sung tại Điều 4 dự thảo Nghị quyết những định hướng mới về đối ngoại đã được nêu tại kết quả Hội nghị Trung ương 13 khoá XIII.

2. Về hồ sơ dự thảo Nghị quyết

Ý kiến thẩm tra kết luận hồ sơ dự thảo Nghị quyết đủ điều kiện để trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, cho ý kiến.

3. Về sự phù hợp của nội dung dự thảo luật với chủ trương, đường lối của Đảng***Ý kiến thẩm tra:***

Thường trực Ủy ban nhận thấy nội dung dự thảo Nghị quyết phù hợp với chủ trương của Đảng, phù hợp với các nghị quyết, kết luận của Trung ương, đặc biệt là các chủ trương về phát triển nguồn nhân lực trong giai đoạn công nghiệp hóa, hiện đại hóa và HNQT.

Có ý kiến đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục rà soát nội dung của Nghị quyết số 59-NQ/TW để quy định đầy đủ, toàn diện các cơ chế chính sách quan trọng đã được xác định trong Nghị quyết này, hoặc có giải trình phù hợp trong trường hợp không quy định cụ thể tại Nghị quyết của Quốc hội. Một số cơ chế, chính sách quan trọng được nêu trong Nghị quyết số 59 nhưng chưa được đề cập trong Nghị quyết của Quốc hội, như: cơ chế, chính sách đặc thù phù hợp nhằm đẩy mạnh thu hút FDI chất lượng cao; chính sách phù hợp để thúc đẩy khu vực đầu tư nước ngoài chuyển giao công nghệ, quản trị, kỹ năng chuyên môn cao cho doanh nghiệp và người lao động Việt Nam; cơ chế, chính sách thuận lợi cho việc phát triển và áp dụng mô hình kinh tế mới, mô hình quản trị và kinh doanh tiên tiến và khung hỗ trợ một số ngành mới nổi; cơ chế thử nghiệm có kiểm soát để tạo điều kiện cho các doanh nghiệp phát triển đột phá trong một số lĩnh vực mới tiềm năng; thu hút các tập đoàn công nghệ lớn đặt trung tâm nghiên cứu, phát triển và đổi mới sáng tạo tại Việt Nam...

Về vấn đề này, Chính phủ đã tiếp thu, giải trình tại mục A.IV của Báo cáo.

4. Về sự phù hợp với Hiến pháp và tính thống nhất với hệ thống pháp luật của dự thảo Nghị quyết

Ý kiến thẩm tra:

Thường trực Ủy ban nhận thấy nội dung dự thảo Nghị quyết cơ bản đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, phù hợp với các quy định của Hiến pháp, thể hiện sự quán triệt sâu sắc các quan điểm, chỉ đạo của Đảng và chính sách của Nhà nước trong triển khai hoạt động đối ngoại và cơ bản thống nhất với các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Tuy nhiên, nội dung dự thảo Nghị quyết đề xuất nhiều chính sách mang tính đặc thù, vượt khung, liên quan đến nhiều văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành. Vì vậy, Thường trực Ủy ban đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo: (i) Tiếp tục rà soát kỹ lưỡng, để tránh xung đột với các văn bản pháp luật hiện hành và những nội dung đang được xem xét, sửa đổi; (ii) Cần có đánh giá tác động cụ thể hơn với các cơ chế đặc thù, vượt khung.

Về vấn đề này, Chính phủ xin tiếp thu như sau:

Cơ quan chủ trì soạn thảo đã phối hợp với các Bộ, ngành liên quan rà soát kỹ lưỡng quy định của dự thảo Nghị quyết bảo đảm phù hợp với các văn bản pháp luật chuyên ngành có liên quan để bảo đảm dự thảo Nghị quyết không mâu thuẫn, chồng chéo với quy định pháp luật hiện hành và các dự thảo Luật đang được Quốc hội xem xét, cho ý kiến.

5. Về tính tương thích với điều ước quốc tế có liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên

Ý kiến thẩm tra:

Qua rà soát, Thường trực Ủy ban nhận thấy dự thảo Nghị quyết không trái với Công ước Viên về Luật Điều ước quốc tế (ĐUQT) năm 1969. Tuy nhiên, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục rà soát, đảm bảo dự thảo Nghị quyết phù hợp với các ĐUQT trong cùng lĩnh vực mà Việt Nam là thành viên.

Về vấn đề này, Chính phủ xin tiếp thu như sau:

Cơ quan chủ trì soạn thảo đã phối hợp với các Bộ, ngành liên quan rà soát kỹ lưỡng quy định của các ĐUQT trong các lĩnh vực liên quan mà Việt Nam là thành viên.

II. VỀ NHỮNG VẤN ĐỀ CỤ THỂ

1. Về nội dung Tờ trình số 1032/TTr-CP

Ý kiến thẩm tra:

Thường trực Ủy ban nhất trí với mục đích ban hành Nghị quyết.

Tuy nhiên, có ý kiến đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo: (i) Làm rõ hơn các “điểm nghẽn” trong quá trình thực hiện chính sách của Đảng và Nhà nước trong công tác đối ngoại và HNQT thời gian qua, làm cơ sở cho việc phải ban hành cơ chế, chính sách đặc thù cho công tác đối ngoại và HNQT; (ii) Bổ sung

lập luận, căn cứ, số liệu, dẫn chứng minh họa cụ thể cho 04 nhóm nội dung về các khó khăn, vướng mắc như đã nêu trong Tờ trình, nhất là các nội dung về “công tác HNQT có nhiều lĩnh vực, vấn đề còn vướng mắc hoặc chưa được giải quyết hiệu quả, đồng thời gặp nhiều khó khăn về nguồn lực, chưa ngang tầm mặt bằng chung của khu vực và quốc tế”, “yêu cầu cấp thiết cần hoàn thiện cơ chế ưu đãi, miễn trừ cho tổ chức quốc tế và các đại diện các cơ quan nước ngoài tại Việt Nam”...; (iii) Cần giải trình việc thay đổi tên gọi của Nghị quyết đã gửi UBTVQH bổ sung vào Chương trình xây dựng pháp luật năm 2025 và làm rõ sự điều chỉnh cách gọi; (iv) Chính sửa quy định tại Khoản 1 và 2 Điều 4 về Nguyên tắc áp dụng cơ chế, chính sách đặc thù cho phù hợp với định hướng mới (đã nêu tại mục I, điểm 1).

Về vấn đề này, Chính phủ xin tiếp thu và báo cáo như sau:

Về “yêu cầu cấp thiết cần hoàn thiện cơ chế ưu đãi, miễn trừ cho tổ chức quốc tế và các đại diện các cơ quan nước ngoài tại Việt Nam”, thực tiễn cho thấy, Pháp lệnh năm 1993 về quyền ưu đãi, miễn trừ dành cho các cơ quan đại diện nước ngoài, cơ quan lãnh sự và tổ chức quốc tế tại Việt Nam hiện mới chỉ quy định khái quát, chủ yếu dẫn chiếu theo ĐUQT, chưa có cơ chế, quy trình cụ thể để áp dụng cho các tổ chức quốc tế mới, phi truyền thống, không thuộc hệ thống Liên hợp quốc. Điều này gây khó khăn trong việc tiếp nhận, hỗ trợ và quản lý các đối tác quốc tế có nhu cầu hoạt động tại Việt Nam.

Ví dụ về các vấn đề còn vướng mắc và “điểm nghẽn” trong triển khai chủ trương hội nhập toàn diện sâu rộng, đặc biệt là việc tăng cường và làm sâu sắc hơn quan hệ với các đối tác, bao gồm các dự án hạ tầng trọng điểm giữa Việt Nam và Lào như cao tốc Hà Nội – Viên Chăn, sân bay Nong Khang dù đã có hiệp định tín dụng ưu đãi, kế hoạch hợp tác và bảo lãnh Chính phủ, nhưng vẫn chậm giải ngân, hỗ trợ vốn, miễn thuế và lãi suất do thiếu hướng dẫn thống nhất, phải xin ý kiến qua nhiều cấp; việc chậm trễ trong triển khai chủ trương của Bộ Chính trị liên quan đến việc hỗ trợ nước bạn bè do vướng các quy định về đấu thầu, mua sắm; các dự án với một số đối tác đòi hỏi có những ưu đãi về thuế, quy trình thủ tục khác với quy định hiện hành do sự khác biệt về quy định pháp luật của bạn. Ngoài ra, còn một số vướng mắc khác như chưa có tổ chức đại diện bảo vệ quyền lợi của doanh nghiệp Việt Nam ở nước ngoài, chưa có cơ chế cụ thể để chính quyền địa phương các tỉnh biên giới triển khai hiệu quả trong công tác bảo vệ biên giới quốc gia nói riêng, công tác đối ngoại nói chung...

Về tên gọi dự thảo Nghị quyết, do tính chất đặc thù của công tác đối ngoại và HNQT, vốn gắn liền với hoạt động nghiên cứu, theo dõi thường xuyên, tham mưu, dự báo chính sách; đồng thời diễn ra trong môi trường quốc tế đa dạng, có nhiều đối tác và đối tượng khác nhau, nên yêu cầu về tính linh hoạt, thích ứng và phù hợp với thông lệ quốc tế là rất cao. Trên cơ sở đó, cơ quan chủ trì soạn thảo đã điều chỉnh tên gọi từ “chính sách đặc biệt” sang “chính sách đặc thù” nhằm phản ánh đúng bản chất, phạm vi và tính chất của các cơ chế, chính sách được đề xuất. Việc điều chỉnh tên gọi cũng đã được sự nhất trí của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Ngoài ra, cơ quan chủ trì soạn thảo đã chỉnh sửa quy định tại Khoản 1 và 2 Điều 4 về Nguyên tắc áp dụng cơ chế, chính sách đặc thù cho phù hợp với định hướng mới.

2. Về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng của Nghị quyết

Ý kiến thẩm tra:

Thường trực UBQPANĐN đề nghị cơ quan soạn thảo cần tiếp tục nghiên cứu để xác định cụ thể tính chất đặc thù của một số nhiệm vụ trong công tác đối ngoại và HNQT được áp dụng cơ chế, chính sách đặc thù theo quy định của Nghị quyết.

Về đối tượng áp dụng, Thường trực UBQPANĐN nhận thấy tại Điều 2 của dự thảo Nghị quyết không đề cập đến đối tượng không thường xuyên, tuy nhiên, tại Điều 25 của dự thảo Nghị quyết lại quy định chế độ, chính sách đối với người làm công tác đối ngoại và HNQT không thường xuyên. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung đối tượng áp dụng này tại Điều 2, bổ sung giải thích từ ngữ tại Điều 3 đối với cụm từ thường xuyên và không thường xuyên; đồng thời, rà soát kỹ quy định đối với các đối tượng trực tiếp, thường xuyên làm công tác tham mưu, nghiên cứu chiến lược, chính sách, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về đối ngoại và HNQT, đặc biệt là các chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành, người sử dụng thành thạo ngoại ngữ hiếm phục vụ công tác đối ngoại.

Đa số các ý kiến đều cho rằng, cần rà soát tổng thể để bổ sung đúng và đủ đối tượng làm công tác đối ngoại và HNQT trong toàn bộ hệ thống chính trị của Trung ương, trong đó có một số đơn vị cấp cục, tổng cục thuộc Bộ Quốc phòng và địa phương, trong đó cần tính đến đối tượng là công chức cấp xã (sau khi vận hành chính quyền hai cấp) làm công tác đối ngoại và HNQT; tránh việc một đối tượng được hưởng cùng lúc nhiều chính sách; cần cân nhắc mở rộng đối tượng là công chức cấp xã biên giới có chức năng, nhiệm vụ thực hiện hoạt động đối ngoại kế thừa từ cấp huyện trước đây.

Về vấn đề này, Chính phủ xin tiếp thu, báo cáo như sau:

Khoản 2 Điều 2 dự thảo Nghị quyết đã bao hàm người làm công tác đối ngoại và HNQT không thường xuyên. Tiếp thu ý kiến thẩm tra, cơ quan chủ trì soạn thảo đã bổ sung giải thích từ ngữ tại Điều 3 đối với cụm từ thường xuyên và không thường xuyên; bổ sung một số đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng làm công tác đối ngoại và HNQT. Cơ quan chủ trì soạn thảo đã chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan hoàn thiện Phụ lục 1. Qua theo dõi, trong lĩnh vực đối ngoại, Ủy ban nhân dân cấp xã chủ yếu thực hiện các nhiệm vụ được giao trong lĩnh vực biên giới lãnh thổ. Ngoài ra, các xã biên giới được trao thẩm quyền ký kết thỏa thuận quốc tế nhân danh xã, tuy nhiên, việc ký kết này do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định trên cơ sở tham mưu của cơ quan chuyên môn về đối ngoại thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trên cơ sở tham khảo các đối tượng được hưởng chế độ, chính sách của Nghị quyết 197,

cơ quan chủ trì soạn thảo đề xuất trước mắt chưa thực hiện áp dụng chế độ hỗ trợ hàng tháng đối với các đối tượng này.

3. Về các nội dung quy định của dự thảo Nghị quyết về khắc phục khó khăn, vướng mắc

a) Các chính sách chung về HNQT

Ý kiến thẩm tra

Liên quan đến việc khuyến khích tổ chức PCPNN hiện diện tại Việt Nam, Thường trực Ủy ban đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo: (i) Cân nhắc việc áp dụng chính sách khuyến khích này đối với các tổ chức PCPNN hiện diện tại Việt Nam; (ii) Phối hợp với các cơ quan liên quan để đề xuất chính sách phù hợp với tinh thần Chỉ thị số 49-CT/TW ngày 28/6/2025 của Ban Bí thư, nâng cao cơ chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng, rà soát hoạt động để đảm bảo tuân thủ pháp luật và phù hợp với chính sách phát triển của Việt Nam; (iii) Quy định tiêu chí cụ thể những tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ, tổ chức đặc biệt nào được khuyến khích hiện diện tại Việt Nam.

Về vấn đề này, Chính phủ đã tiếp thu, giải trình tại mục A.IV Báo cáo này.

Ý kiến thẩm tra:

Liên quan đến khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện các dự án hợp tác với các đối tác nước ngoài có tính chất trọng điểm, chiến lược, Thường trực Ủy ban đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo: (i) quy định rõ tiêu chí xác định “dự án có tính chất trọng điểm, chiến lược” và bổ sung cơ chế báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội và cơ chế giám sát của các cơ quan của Quốc hội; (ii) nghiên cứu bỏ nội dung thành viên Hội đồng thẩm định là đại diện các cơ quan có liên quan của Quốc hội. Bên cạnh đó, một số ý kiến đề nghị làm rõ hơn căn cứ pháp lý và tính phù hợp của việc giao Bộ trưởng Bộ Tư pháp thành lập Hội đồng thẩm định độc lập để bảo đảm tính khả thi.

Có ý kiến cho rằng Nghị quyết của Quốc hội thường chỉ áp dụng cho một thời hạn hiệu lực ngắn, vì vậy đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo giải trình về quy định tại Khoản 1 và Khoản 5 Điều 8, theo đó quy định thời hạn hiệu lực đến 31/12/2030 đối với các Nghị quyết của Chính phủ triển khai thực hiện Nghị quyết này của Quốc hội sau khi ban hành, với mục đích giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện các dự án hợp tác với các đối tác nước ngoài có tính chất trọng điểm, chiến lược ảnh hưởng đến quan hệ đối ngoại cần được xử lý nhanh chóng, kịp thời.

Về vấn đề này, Chính phủ xin tiếp thu và báo cáo như sau:

Về cơ chế xử lý khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện dự án hợp tác với nước ngoài có tính chất trọng điểm, chiến lược, việc báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Quốc hội đã được quy định rõ tại khoản 1 Điều 8, bảo đảm vai trò giám sát của Quốc hội tại Điều này. Thực tế tiêu chí xác định “dự án có tính chất trọng điểm, chiến lược” đó là quy mô, tầm quan trọng của dự án

đối với Việt Nam cũng như ý nghĩa của dự án đối với các đối tác nước ngoài thuộc quốc gia có quan hệ đối tác chiến lược toàn diện, đối tác chiến lược của Việt Nam và sẽ do Bộ Chính trị (cơ quan có thẩm quyền) quyết định.

Về việc bỏ quy định liên quan đến Hội đồng thẩm định, Cơ quan chủ trì soạn thảo xin tiếp thu.

Về thời hạn hiệu lực tại Điều 8, Cơ quan chủ trì soạn thảo xin tiếp thu một phần và đề xuất quy định dự thảo Nghị quyết của Quốc hội có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2030. Các dự án có tính chất trọng điểm, chiến lược trọng lĩnh vực đối ngoại và HNQT đòi hỏi thời gian triển khai đủ dài để bảo đảm hiệu quả thực thi và xử lý các “điểm nghẽn” tồn tại trong bối cảnh mới.

b) Đối với việc HNQT của doanh nghiệp (Chương III)

Ý kiến thẩm tra:

Thường trực Ủy ban cơ bản tán thành với chính sách hỗ trợ doanh nghiệp khắc phục các khó khăn, vướng mắc trong hoạt động kinh doanh ở nước ngoài để cơ chế, nguồn lực hỗ trợ để doanh nghiệp có thể đa dạng hóa thị trường, nâng cao năng lực và tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu.

Tuy nhiên, Thường trực UBQPANĐN đề nghị Bộ Ngoại giao phối hợp chặt chẽ với Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan để đảm bảo đồng bộ, thống nhất trong áp dụng các chính sách pháp luật về thuế, về việc thành lập Quỹ và sử dụng Quỹ để triển khai các hoạt động xúc tiến thương mại, mở rộng, đa dạng hóa thị trường.

Ngoài ra, có ý kiến cho rằng, việc thành lập Quỹ phát triển doanh nghiệp nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh toàn cầu và HNQT của doanh nghiệp trong nước cần quy định cụ thể cơ chế vận hành, quản lý, giám sát, đảm bảo nguồn vốn được sử dụng hiệu quả; cần phân định rõ với các quỹ hiện có; đảm bảo tiếp cận công bằng, không chỉ doanh nghiệp lớn, mà cả doanh nghiệp nhỏ và vừa cũng được tiếp cận và nhận hỗ trợ; cần đội ngũ chuyên môn hiểu sâu về tài chính và chiến lược quốc tế hóa doanh nghiệp để nâng cao năng lực quản trị Quỹ và tối ưu hóa nguồn vốn huy động cho Quỹ.

Về vấn đề này, Chính phủ xin tiếp thu và báo cáo như sau:

Tiếp thu ý kiến thẩm tra, Bộ Ngoại giao đã tham khảo ý kiến của Bộ Tài chính, Bộ Công Thương trong quá trình soạn thảo các quy định tại Chương III của Nghị quyết về HNQT của doanh nghiệp và sẽ tiếp tục phối hợp với hai Bộ Tài chính, Công Thương cùng các cơ quan liên quan trong quá trình xây dựng Nghị định quy định chi tiết của Chính phủ về nội dung trên.

Về ý kiến đề nghị quy định cụ thể cơ chế vận hành, quản lý, giám sát và đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn của Quỹ phát triển doanh nghiệp HNQT, Cơ quan chủ trì soạn thảo xin tiếp thu ý kiến. Trong quá trình soạn thảo, Cơ quan chủ trì soạn thảo đã cân nhắc những mặt chưa thuận trong việc thành lập Quỹ, trong đó bao gồm rủi ro Quỹ chỉ mang lại lợi ích cho một nhóm doanh nghiệp, tổ chức, không có tác động sâu rộng về HNQT. Vì vậy, dự thảo Nghị quyết

giao Chính phủ quy định chi tiết về thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ và nhấn mạnh cần thiết lập “cơ chế quản lý, giám sát bảo đảm Quỹ hoạt động đúng mục đích và tuân thủ quy định của pháp luật liên quan”. Tiêu chí “đúng mục đích” và “tuân thủ quy định pháp luật” được quy định cụ thể để phòng ngừa những rủi ro như ý kiến Thường trực Ủy ban đã nêu.

c) Đối với HNQT của địa phương (Chương IV):

Ý kiến thẩm tra:

- Về tham gia các cơ chế hợp tác, diễn đàn, mạng lưới của các thành phố, đô thị lớn của chính quyền địa phương (Điều 16):

Dự thảo Nghị quyết đề xuất cho phép Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc tham gia các cơ chế hợp tác, diễn đàn, mạng lưới của các thành phố lớn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã mà việc tham gia không thông qua việc ký kết điều ước quốc tế và thỏa thuận quốc tế...

Thường trực UBQPANĐN đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ căn cứ pháp lý để các địa phương tham gia vào các cơ chế hợp tác này; đồng thời, nghiên cứu, xây dựng cơ chế quản lý, giám sát đối với nội dung quy định tại Khoản 1 Điều 16 vì đây là công tác đối ngoại quan trọng, cần có sự kiểm tra, quản lý của Trung ương trong tổ chức thực hiện.

Một số ý kiến cũng cho rằng, cần rà soát và quy định cụ thể về việc kế thừa các thỏa thuận đã ký với các đối tác quốc tế, trong đó có các thỏa thuận được ký bởi cấp huyện trước đây và các tỉnh, thành phố sau sáp nhập và sắp xếp lại để phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

- Về Công tác đối ngoại biên giới (Điều 17):

Công tác đối ngoại biên giới là một nhiệm vụ cần được ưu tiên để góp phần đảm bảo an ninh, chủ quyền quốc gia tại các địa bàn “phên giậu” của Tổ quốc. Vì vậy, Thường trực UBQPANĐN đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu: (i) Bổ sung cơ chế, chính sách đặc thù hỗ trợ tài chính cho các địa phương để thực hiện các hoạt động trong giao lưu biên giới như văn hoá - xã hội; (ii) Nghiên cứu chuẩn hóa bộ máy làm công tác ngoại vụ tại các địa phương có biên giới trên đất liền và trên biển; (iii) Có quy định về phân cấp và phân công nhiệm vụ ngoại giao biên giới phù hợp giữa cấp xã và cấp tỉnh hiện nay đối với các nhiệm vụ của cấp huyện trước đây.

Bên cạnh đó, một số ý kiến cho rằng, việc thực hiện các nhiệm vụ sửa chữa mốc quốc giới hư hỏng, xây mới mốc quốc giới bị cuốn trôi hoặc không thể sửa chữa, kẻ bảo vệ đường biên giới, mốc quốc gia,... cần được bố trí nguồn kinh phí của trung ương, không nên giao và tạo thêm gánh nặng cho các địa phương, nhất là những địa phương vùng biên giới thường là vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn.

- Về việc thành lập văn phòng đại diện của địa phương ở nước ngoài

Một số ý kiến cho rằng việc các địa phương thiết lập văn phòng đại diện ở nước ngoài là không phù hợp với thể chế chính trị của Việt Nam và chưa phù hợp với chủ trương về tinh giản bộ máy theo tinh thần của Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25/10/2017, của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Pháp luật hiện hành cũng chưa có quy định cụ thể về trình tự, thủ tục thành lập cũng như việc quản lý các văn phòng này. Hơn nữa, trong thời đại cách mạng khoa học, công nghệ hiện đại, có thể thiết lập “Văn phòng ảo”, các kênh thông tin, mạng lưới kết nối hiệu quả giữa Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các địa bàn trọng điểm.

Vì vậy, Thường trực UBQPANĐN đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ căn cứ chính trị và căn cứ pháp lý, tiêu chí thành lập và mối quan hệ giữa Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài và Văn phòng đại diện của địa phương ở nước ngoài; Bổ sung căn cứ, thuyết minh, số liệu thống kê trong thực tiễn hoạt động thời gian qua về sự cần thiết của việc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập văn phòng đại diện ở nước ngoài tại một số địa bàn trọng điểm.

Về vấn đề này, Chính phủ xin tiếp thu, giải trình như sau:

- *Về tham gia các cơ chế hợp tác, diễn đàn, mạng lưới của các thành phố, đô thị lớn của chính quyền địa phương:* Việc cho phép Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc tham gia các cơ chế hợp tác, diễn đàn, mạng lưới của các thành phố lớn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã phù hợp với quy định về việc thực hiện nhiệm vụ đối ngoại của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025. Dự kiến Chính phủ quy định chi tiết trình tự, thủ tục về nội dung này, bảo đảm việc tham gia ý kiến của các cơ quan quản lý chuyên ngành như Bộ Ngoại giao, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

Liên quan đến việc kế thừa thỏa thuận quốc tế của cấp huyện, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 177/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 sửa đổi các Nghị định trong lĩnh vực thỏa thuận quốc tế; xử lý vấn đề liên quan đến việc tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp và sắp xếp tổ chức bộ máy trong lĩnh vực thỏa thuận quốc tế. Theo đó, Chính phủ hướng dẫn cụ thể việc kế thừa thỏa thuận quốc tế nhân danh Ủy ban nhân dân cấp huyện đã ký kết trước ngày 01/7/2025.

- *Về Công tác đối ngoại biên giới:* Tiếp thu ý kiến thẩm tra, Cơ quan chủ trì soạn thảo đã bổ sung điều khoản, theo đó Chính phủ xem xét, quyết định bố trí khoản hỗ trợ của ngân sách trung ương cho các địa phương nhằm triển khai hoạt động hợp tác, giao lưu hữu nghị và đối ngoại nhân dân với địa phương biên giới láng giềng ngoài ngân sách được phân bổ hàng năm.

- *Về việc thành lập văn phòng đại diện của địa phương ở nước ngoài:* Việc quy định các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thuộc thẩm quyền của Chính phủ theo Nghị định số 150/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố

trực thuộc trung ương. Do đó, Cơ quan chủ trì soạn thảo xin ghi nhận đề xuất này và tiếp tục nghiên cứu để điều chỉnh phù hợp quy định trong Nghị quyết cũng như trong văn bản của Chính phủ quy định về vấn đề này sau này, bảo đảm tuân thủ triệt để chủ trương về tinh giản bộ máy theo tinh thần của Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Các văn bản có liên quan đến ngoại giao biên giới chưa có quy định cụ thể về nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân cấp huyện trong công tác ngoại giao biên giới. Do đó không đặt ra vấn đề phân cấp giữa cấp xã và cấp tỉnh trong lĩnh vực này.

Về kinh phí thực hiện nhiệm vụ liên quan đến mốc quốc giới, thời gian qua, thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, Chính phủ đã chỉ đạo quyết liệt các bộ, ngành, cơ quan liên quan giải quyết khó khăn, vướng mắc của địa phương, đặc biệt là của các xã, trong đó, Chính phủ quan tâm chỉ đạo Bộ

Tài chính bố trí đầy đủ nguồn lực cho địa phương. Do đó, trước mắt trong việc sửa chữa các mốc quốc giới đã có trong chương trình, kế hoạch sẽ không có vấn đề khó khăn về kinh phí.

d) Đối với Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài (Chương V)

Ý kiến thẩm tra:

Một số ý kiến cho rằng quy định này cần được đánh giá kỹ về tính khả thi và tác động đối với việc thực hiện Luật Đầu tư công. Việc tạo ra một ngoại lệ trong lĩnh vực ngoại giao có thể ảnh hưởng đến tính thống nhất và đồng bộ của hệ thống pháp luật về đầu tư công.

Thường trực UBQPANĐN đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ hơn các tình huống thực tế phát sinh nhu cầu mua nhà thực tế được xem là khẩn cấp trong thời gian qua; các khó khăn, vướng mắc gặp phải do các quy định của pháp luật hiện hành và sự khác biệt với quy định của nước sở tại, làm cơ sở thuyết minh về sự cần thiết phải áp dụng trình tự đầu tư công khẩn cấp; nghiên cứu, đề xuất sửa đổi, bổ sung để có thể áp dụng trong các trường hợp thực sự cần thiết, hoặc kiến nghị ban hành văn bản dưới luật nếu thuộc thẩm quyền của Chính phủ.

Về vấn đề này, Chính phủ xin tiếp thu, giải trình như sau:

Bộ Ngoại giao xin tiếp thu ý kiến của Thường trực UBQPANĐN, đồng thời làm rõ như sau:

- Về cơ sở pháp lý và thực tiễn triển khai: Việc giao Bộ trưởng Bộ Ngoại giao quyết định theo thẩm quyền việc mua, sở hữu bất động sản (BDS) tại nước ngoài của cơ quan đại diện Việt Nam theo trình tự dự án khẩn cấp là hoàn toàn phù hợp với quy định của Luật Đầu tư công hiện hành. Thực tế cho thấy, năm 2019, Bộ Ngoại giao đã được Thủ tướng Chính phủ cho phép thực hiện dự án mua BDS làm trụ sở Đại sứ quán Việt Nam tại Hoa Kỳ theo trình tự thủ tục của dự án khẩn cấp. Việc áp dụng cơ chế này đã giúp rút ngắn thời gian

xử lý, đồng thời giải quyết hiệu quả các vấn đề đặc thù như yêu cầu đàm phán nhanh với bên bán, cạnh tranh với các bên mua khác, và tuân thủ quy định pháp luật nước sở tại về thời hạn giao dịch.

- Về các tình huống thực tế phát sinh nhu cầu khẩn cấp: Nhu cầu mua BĐS tại nước ngoài của các cơ quan đại diện Việt Nam thường phát sinh trong các tình huống như: (i) Bên bán yêu cầu hoàn tất giao dịch trong thời gian ngắn, không thể chờ quy trình đầu tư công thông thường; (ii) BĐS có vị trí chiến lược, phù hợp với yêu cầu an ninh, ngoại giao, nhưng chỉ có thể mua trong thời điểm cụ thể; (iii) Trụ sở hiện tại xuống cấp nghiêm trọng, không bảo đảm an toàn, hoặc bị thu hồi, buộc phải chuyển địa điểm gấp; (iv) Cơ quan đại diện mới được thành lập theo chủ trương của Chính phủ, cần có trụ sở để triển khai nhiệm vụ ngay.

Các tình huống này nếu không xử lý kịp thời sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động đối ngoại, bảo hộ công dân, và hình ảnh quốc gia.

- Về khó khăn, vướng mắc trong thực hiện theo quy định hiện hành: Quy trình đầu tư công thông thường kéo dài, qua nhiều bước thẩm định, phê duyệt, không phù hợp với đặc thù giao dịch BĐS ở nước ngoài – vốn yêu cầu tính linh hoạt, tốc độ và khả năng phản ứng nhanh. Bên cạnh đó, quy định pháp luật của nước sở tại về giao dịch BĐS (ví dụ: thời hạn thanh toán, điều kiện pháp lý, quy trình chuyển nhượng) thường khác biệt đáng kể so với quy định trong nước, gây khó khăn trong việc áp dụng thống nhất một quy trình đầu tư công truyền thống.

- Về sự cần thiết áp dụng trình tự đầu tư công khẩn cấp: Việc cho phép áp dụng trình tự đầu tư công khẩn cấp là giải pháp phù hợp để xử lý các tình huống phát sinh thực tế, bảo đảm hiệu quả triển khai nhiệm vụ đối ngoại, đồng thời vẫn tuân thủ nguyên tắc quản lý tài chính công. Quy định này cũng tạo điều kiện để các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài hoàn thành việc mua BĐS trên phạm vi toàn cầu, góp phần thực hiện kế hoạch mở rộng mạng lưới cơ quan đại diện theo Nghị quyết số 292/NQ-CP ngày 23/9/2025 của Chính phủ về xây dựng và phát triển ngành Ngoại giao đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Về kiến nghị sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành văn bản dưới luật: Bộ Ngoại giao ghi nhận đề xuất của Thường trực Ủy ban và sẽ phối hợp với Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính nghiên cứu khả năng sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật liên quan hoặc kiến nghị Chính phủ ban hành văn bản dưới luật để hướng dẫn cụ thể việc áp dụng cơ chế đầu tư công khẩn cấp trong mua BĐS tại nước ngoài, bảo đảm tính minh bạch, hiệu quả và phù hợp với thực tiễn.

đ) Về nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu dự báo, nghiên cứu chiến lược (Chương VI)

Ý kiến thẩm tra:

Có ý kiến cho rằng, nội dung Khoản 1, Điều 21 quy định còn chung chung, chưa cụ thể, có thể dẫn đến khó khăn cho việc triển khai và tiềm ẩn nguy cơ tùy nghi trong vận dụng chính sách.

Một số ý kiến đề nghị rà soát lại để chính sách khoán chi trong thực hiện nghiên cứu chiến lược lĩnh vực HNQT (Điều 22) đảm bảo bao quát được các nhiệm vụ có cùng tính chất và tầm quan trọng, ví dụ như nhiều nhiệm vụ trong công tác thỏa thuận quốc tế có ý nghĩa quan trọng hơn một số nhiệm vụ trong công tác điều ước quốc tế.

Về vấn đề này, Chính phủ xin tiếp thu, giải trình như sau:

Về quy định tại khoản 1 Điều 21, dự kiến Chính phủ sẽ ban hành Nghị định hướng dẫn thực hiện chính sách này.

Về chính sách khoán chi trong công tác thỏa thuận quốc tế, Cơ quan chủ trì soạn thảo cho rằng chưa nên quy định danh mục khoán chi cho công tác ký kết thỏa thuận quốc tế vì các lý do như sau: Theo quy định tại Luật Thỏa thuận quốc tế năm 2020, thỏa thuận quốc tế hiện rất đa dạng về nội dung và hình thức (từ phức tạp đến đơn giản), được ký kết bởi nhiều cấp (từ trung ương như Nhà nước, Chính phủ, Quốc hội và các cơ quan trực thuộc đến địa phương như nhân danh Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã ở khu vực biên giới). Việc quy định mức khoán chi cho công tác ký kết thỏa thuận quốc tế này tương đối khó khăn do phụ thuộc vào tình hình thực tế ở từng cơ quan, từng địa phương để bố trí kinh phí phù hợp. Cơ chế này hoàn toàn khác so với công tác ký kết ĐUQT, theo đó, cơ quan đề xuất ký ĐUQT được giới hạn bao gồm Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán nhà nước, Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ. ĐUQT là văn bản làm phát sinh, thay đổi hoặc chấm dứt quyền, nghĩa vụ của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo pháp luật quốc tế và đặt ra yêu cầu phải nội luật hóa các nghĩa vụ, gây tác động đến pháp luật trong nước.

e) Về bảo đảm nguồn lực (Chương VII)

Ý kiến thẩm tra:

Về các chức danh “Đại sứ, Đặc phái viên của Chủ tịch nước về một số lĩnh vực, nhiệm vụ có tầm quan trọng chiến lược trong công tác HNQT” và “Đại sứ đặc mệnh toàn quyền lưu động” (Khoản 1 và Khoản 4, Điều 23):

Nhiều ý kiến cho rằng, các Đại sứ hiện đang được phân công phụ trách các địa bàn chính và địa bàn kiêm nhiệm, đang đảm nhận tốt nhiệm vụ thúc đẩy quan hệ chính trị, kinh tế với các nước và phù hợp với quy trình bổ nhiệm, quản lý nhân sự; đồng thời cũng đảm bảo xây dựng chiến lược phát triển quan hệ ngoại giao với từng địa bàn, khu vực, tạo tính liên kết, đồng bộ trong hoạt động đối ngoại; đảm bảo hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước, giảm chi phí mua/thuê trụ sở làm việc, không làm phát sinh biên chế và ngân sách chi trả chế độ; đồng thời, đảm bảo thực hiện đúng chỉ đạo tại Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25/10/2017, của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về đổi mới,

sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

Vì vậy, Thường trực Ủy ban đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo: (i) Làm rõ hơn nội hàm của các quy định về những chức danh này; (ii) Đánh giá, phân tích những vướng mắc, bất cập trong thực tế và sự cấp thiết cần phải bổ nhiệm các chức danh này.

Về chế độ, chính sách đối với người làm công tác đối ngoại và HNQT thường xuyên của dự thảo Nghị quyết (Khoản 1, Điều 24):

Thường trực Ủy ban cơ bản tán thành việc áp dụng chính sách về hỗ trợ tài chính cho nhân lực làm công tác đối ngoại và HNQT tương tự với quy định tại Nghị quyết 197/2025/QH15 ngày 17/5/2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật.

Tuy nhiên, có ý kiến cho rằng việc hỗ trợ phải đảm bảo phù hợp với chính sách áp dụng cho công chức, viên chức thuộc các lĩnh vực khác trong hệ thống chính trị.

Về nguồn lực, điều kiện bảo đảm cho việc thực hiện Nghị quyết:

Theo Tờ trình của Chính phủ, dự kiến tổng kinh phí thực hiện khoảng 990 tỷ đồng/năm.

Thường trực Ủy ban đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát đầy đủ, đánh giá tác động của các chính sách đặc thù được quy định trong dự thảo Nghị quyết đối với ngân sách nhà nước và các quy định liên quan.

Về các vấn đề này, Chính phủ xin tiếp thu, giải trình như sau:

- Về các chức danh “Đại sứ, Đặc phái viên của Chủ tịch nước về một số lĩnh vực, nhiệm vụ có tầm quan trọng chiến lược trong công tác HNQT” và “Đại sứ đặc mệnh toàn quyền lưu động”, Cơ quan chủ trì soạn thảo đã giải trình tại mục A.IV Báo cáo này.

- Về chế độ, chính sách đối với người làm công tác đối ngoại và HNQT thường xuyên của dự thảo Nghị quyết, tiếp thu ý kiến thẩm tra, Cơ quan chủ trì soạn thảo đã rà soát để bảo đảm phù hợp với chính sách áp dụng cho công chức, viên chức thuộc các lĩnh vực khác trong hệ thống chính trị.

- Về nguồn lực, điều kiện bảo đảm cho việc thực hiện Nghị quyết, Cơ quan chủ trì soạn thảo đã rà soát đầy đủ, đánh giá tác động của chính sách nêu tại dự thảo.

4. Về nội dung thực hiện phân cấp, phân quyền

Ý kiến thẩm tra:

Thường trực Ủy ban cơ bản nhất trí và nhận thấy các quy định này đáp ứng yêu cầu đơn giản hoá, đẩy mạnh việc phân quyền, phân cấp, xác định rõ trách nhiệm giữa các cấp, các ngành, phù hợp với chủ trương của Đảng tại Nghị quyết số 04-NQ/TW (khóa XI), Nghị quyết số 18-NQ/TW (khóa XII) và

Nghị quyết số 27-NQ/TW (khóa XIII) của Ban Chấp hành Trung ương, theo đó xác định phân cấp, phân quyền mạnh mẽ gắn với kiểm soát quyền lực; và đổi mới phương thức quản lý nhà nước theo hướng tinh gọn, hiệu quả, tăng tính tự chủ và trách nhiệm giải trình. Tuy nhiên, Thường trực Ủy ban đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung quy định cụ thể về quy trình ký kết văn bản hợp tác của Cơ quan đại diện với đối tác nước ngoài.

Về vấn đề này, Chính phủ xin tiếp thu, giải trình như sau:

Dự thảo Nghị quyết hiện đang quy định cơ quan đại diện Việt Nam tại nước ngoài được phép ký kết văn bản hợp tác phù hợp với chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật. Dự kiến Chính phủ giao Bộ trưởng Bộ Ngoại giao ban hành Thông tư hướng dẫn chi tiết về nguyên tắc, trình tự, thủ tục ký kết và thực hiện các văn bản hợp tác này. Theo đó, trước khi ký kết văn bản hợp tác, cơ quan đại diện Việt Nam tại nước ngoài cần lấy ý kiến của các Bộ, ngành quản lý nhà nước về lĩnh vực liên quan và có ý kiến đồng ý của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao.

5. Về điều khoản thi hành

Ý kiến thẩm tra:

Dự thảo Nghị quyết hiện có 29 Điều, trong đó dự kiến giao Chính phủ quy định chi tiết 13 Điều, 07 khoản; tại mục B, điểm c, Phụ lục 1 quy định “Lãnh đạo, công chức, viên chức đang công tác ở trong nước đảm nhiệm các vị trí việc làm về HNQT tại các cơ quan, tổ chức khác do Chính phủ quy định”.

Thường trực UBQPANĐN cho rằng: (i) Việc giao Chính phủ quy định hướng dẫn chi tiết gần 70% các điều khoản của dự thảo Nghị quyết là chưa phù hợp, có thể dẫn tới việc áp dụng tùy nghi trong triển khai sau khi Nghị quyết được thông qua; và (ii) Đề nghị làm rõ “các cơ quan, tổ chức khác do Chính phủ quy định” là những cơ quan nào trong hệ thống chính trị, quy định tại văn bản nào, trường hợp chưa có văn bản quy định thì phải có văn bản hướng dẫn.

Dự thảo Nghị quyết xác định hiệu lực thi hành của Nghị quyết từ ngày 01/01/2026. Để đảm bảo triển khai thông suốt Nghị quyết, Thường trực UBQPANĐN đề nghị các văn bản hướng dẫn thi hành cần phải có hiệu lực đồng thời với thời gian hiệu lực của Nghị quyết.

Về vấn đề này, Chính phủ xin tiếp thu, giải trình như sau:

Theo tinh thần Nghị quyết số 66-NQ/TW về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới, bên cạnh một số bộ luật, luật quy định về quyền con người, quyền công dân, tổ tụng tư pháp cần cụ thể, về cơ bản các luật khác, nhất là luật điều chỉnh các nội dung về kiến tạo phát triển chỉ quy định những vấn đề khung, những vấn đề có tính nguyên tắc thuộc thẩm quyền của Quốc hội, còn những vấn đề thực tiễn thường xuyên biến động thì giao Chính phủ, Bộ, ngành, địa phương quy định để bảo đảm linh hoạt, phù hợp với thực tiễn. Do đó, Cơ quan chủ trì soạn thảo thiết

kế dự thảo Nghị quyết theo hướng giao Chính phủ, các Bộ, ngành quy định chi tiết quy trình, thủ tục thực hiện các nội dung quy định tại dự thảo Nghị quyết.

Tiếp thu ý kiến thẩm tra, sau khi dự thảo Nghị quyết được Quốc hội thông qua, Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành khẩn trương xây dựng các văn bản hướng dẫn thi hành.

6. Một số nội dung khác

Ý kiến thẩm tra:

- Có ý kiến cho rằng, một số nội dung của dự thảo Nghị quyết chưa thật sự mang tính chất đặc thù và đã được điều chỉnh trong các luật hiện hành như: nội dung khen thưởng quy định tại Điều 10 và Khoản 2, Điều 18; nội dung về chính sách thuế quy định tại Điều 13, Điều 14; nội dung đầu tư công quy định tại Điều 19, Điều 20; ... do đó đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục rà soát các nội dung, nhiệm vụ thật sự đặc thù và cần tháo gỡ khó khăn trong thực tế triển khai để đưa vào dự thảo Nghị quyết.

- Một số ý kiến đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu: (i) Chính sửa lại Khoản 1 Điều 3 cụm từ “không trái với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên” thành “trương thích với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên” cho phù hợp; (ii) Thể hiện lại văn phong nội dung “không để bị động, bất ngờ về những vấn đề chiến lược” cho rõ nghĩa hơn; (iii) Xem xét lại quy định tại Khoản 2 về “tăng cường thể chế hóa các đặc thù của công tác HNQT trong các cơ chế, chính sách có liên quan” để bảo đảm không mở rộng phạm vi các nội dung đặc thù, bảo đảm chỉ tập trung thể chế hóa các đặc thù của công tác HNQT khi có đủ điều kiện cần thiết, trên cơ sở căn cứ khoa học, pháp lý và thực tiễn đầy đủ.

- Bên cạnh đó, có ý kiến đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo kiến nghị cấp có thẩm quyền xem xét: (i) để lại 100% thu phí, lệ phí của Bộ Ngoại giao để chi nâng cao năng lực, hỗ trợ trực tiếp các dự án tu sửa, chỉnh trang, tham gia đầu tư các công trình, hệ thống công nghệ thông tin; (ii) ưu tiên danh mục, bố trí đầu tư công cho các công trình cơ quan đại diện ở nước ngoài (bộ mặt quốc gia); (iii) bổ sung cơ chế để thúc đẩy hiệu quả thực thi các cam kết, thoả thuận, điều ước ký kết, hình thành trung tâm hỗ trợ thực thi cam kết, quỹ hỗ trợ doanh nghiệp để thực thi cam kết.

Về vấn đề này, Chính phủ xin tiếp thu, giải trình như sau:

Cơ quan chủ trì soạn thảo xin tiếp thu, tiếp tục hoàn thiện dự thảo Nghị quyết. Đối với các đề xuất chưa được quy định trong dự thảo Nghị quyết, Cơ quan chủ trì soạn thảo xin ghi nhận, tiếp tục rà soát, nghiên cứu, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định trong thời gian tới.

7. Một số vấn đề về kỹ thuật lập pháp

Ý kiến thẩm tra:

Có ý kiến cho rằng một số quy định trong dự thảo Nghị quyết quy định mang tính tùy nghi, chưa rõ và chưa đủ tính quy phạm để quy định trong văn bản pháp luật như các cụm từ: “các cá nhân có khả năng thực hiện nhiệm vụ đối ngoại, HNQT đặc biệt” (Khoản 2, Điều 2); “giải quyết các vấn đề quan trọng, cấp bách phát sinh trong quá trình HNQT” (Điều 10); “có thể đại diện cho Nhà nước và Chính phủ Việt Nam” (Khoản 2, Điều 17); “ngoại giao học giả” (Khoản 2, Điều 21); “được hưởng chế độ tiền lương, phụ cấp, trợ cấp theo hợp đồng lao động hoặc hỗ trợ hàng tháng, hàng quý” (điểm b, Khoản 3, Điều 25); “chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành” (điểm c, Khoản 3, Điều 26) ... Do đó, đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục rà soát, chỉnh sửa phù hợp các nội dung này.

Về vấn đề này, Chính phủ xin tiếp thu, giải trình như sau:

Cơ quan chủ trì soạn thảo xin tiếp thu, tiếp tục phối hợp các cơ quan liên quan để hoàn thiện dự thảo Nghị quyết.

Trên đây là Báo cáo tiếp thu, giải trình Kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Báo cáo thẩm tra sơ bộ của Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại về dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù nhằm nâng cao hiệu quả công tác hội nhập quốc tế./.

Nơi nhận:

- Quốc hội;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ: TH, PL;
- Lưu: VT, QHQT (2).

